

CÁC HÌNH THỨC VĂN BẢN QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Hoàng Xuân Long
Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN

Tóm tắt:

Xác định mối quan hệ giữa nội dung và hình thức văn bản quy hoạch phát triển KH&CN Quốc gia có ý nghĩa đáng kể đến hoạt động xây dựng quy hoạch, thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch.

Nội dung quy hoạch phát triển KH&CN có thể được trình bày trong nhiều hình thức văn bản khác nhau. Nội dung quy hoạch phát triển KH&CN có thể kết hợp với các nội dung khác trong các hình thức văn bản Chiến lược KH&CN, Quy hoạch phát triển KH&CN, Kế hoạch KH&CN. Đồng thời, có các dạng hình thức văn bản quy hoạch chung - riêng, lồng ghép - độc lập. Mỗi dạng có những điểm mạnh và điểm hạn chế riêng. Với tình hình Việt Nam hiện nay, cần chú ý đến hình thức văn bản quy hoạch phát triển KH&CN riêng, độc lập.

Từ khóa: Văn bản quy hoạch, Phát triển KH&CN, Quy hoạch KH&CN.

1. Quan hệ giữa nội dung và hình thức văn bản quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia

Giữa nội dung quy hoạch và hình thức văn bản quy hoạch phát triển KH&CN Quốc gia có các đặc điểm của mối quan hệ giữa nội dung và hình thức nói chung - đó là mối quan hệ biện chứng, vừa độc lập vừa thống nhất. Sự thống nhất giữa các nội dung quy hoạch sẽ tạo điều kiện hình thành văn bản quy hoạch chung, tổng hợp; ngược lại, khác biệt giữa các nội dung quy hoạch đòi hỏi các văn bản quy hoạch riêng, độc lập.

Hình thức văn bản quy hoạch chung hay riêng, lồng ghép hay độc lập còn ảnh hưởng tới cả hoạt động xây dựng quy hoạch, thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch.

Mỗi hình thức văn bản quy hoạch chung hay riêng, độc lập hay lồng ghép giữa các nội dung quy hoạch đều có những điểm mạnh, điểm yếu riêng. Hình thức chung và lồng ghép tạo điều kiện thuận lợi về: thể hiện tính tổng thể trong một văn bản; phối hợp trong xây dựng văn bản; đơn giản trong lấy ý kiến đóng góp và phê duyệt văn bản quy hoạch. Đồng thời, hạn chế là: nhấn mạnh sự phối hợp mang tính hình thức, tăng cường các mối quan hệ ràng buộc cứng nhắc trong xây dựng và thực thi quy hoạch.

Hình thức riêng và độc lập tạo điều kiện thuận lợi trên các mặt: đi sâu vào từng đối tượng quy hoạch khác biệt nhau; tranh thủ được thời gian, sớm xây dựng và ban hành một số quy hoạch trong KH&CN; tăng tính chủ động của các đơn vị trong soạn thảo và thực thi quy hoạch (trong các văn bản quy hoạch độc lập, riêng rẽ, các đơn vị có thể là cơ quan chủ trì, thay vì chỉ là phối hợp trong văn bản quy hoạch chung); có thể điều chỉnh dễ hơn (chỉ cần sửa đổi các văn bản quy hoạch riêng lẻ thay vì phải sửa văn bản quy hoạch chung); việc tồn tại các hình thức riêng, độc lập có thể không loại trừ các hoạt động phối hợp giữa các văn bản quy hoạch khác nhau (trong xây dựng và thực thi quy hoạch). Nói cách khác, sự phối hợp vẫn có thể được thực hiện ở những hình thức văn bản quy hoạch độc lập. Trên thực tế không có sự độc lập hoàn toàn, mà chỉ là các phương án kết hợp chung - riêng một cách trực tiếp hay gián tiếp.

Như vậy, khi xem xét hình thức văn bản quy hoạch thì không phải chỉ chú ý đến những thuận tiện trong xây dựng văn bản (thiên về hình thức văn bản chung), mà còn cần chú ý đến khi thực thi quy hoạch (thiên về hình thức văn bản riêng); không nên chỉ chú ý đến việc xây dựng lần đầu mà còn cần chú ý đến việc điều chỉnh, sửa đổi quy hoạch. Ở đây có những mâu thuẫn buộc phải có lựa chọn giữa một trong hai mặt. Giống như điều rút ra từ quan sát của Samuelson trong kinh tế học: “Lý thuyết càng hay và chặt chẽ thì càng khó vào cuộc sống và ngược lại” [3]; ta cũng có thể đưa ra nhận định: “Văn bản quy hoạch càng thống nhất, càng toàn diện thì càng khó thực hiện trên thực tế”.

Ở nước ta cũng đã có các hình thức văn bản quy hoạch khác nhau. Bên cạnh quy hoạch chung, nhiều văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành đã có quy định cụ thể về các quy hoạch thành phần,... Một số ví dụ về văn bản quy hoạch riêng, độc lập là: Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg ngày 27/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006 - 2020, Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 10/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển ngành giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Quyết định số 2190/QĐ-TTg ngày 24/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 1734/QĐ-TTg ngày 01/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển mạng đường bộ cao tốc Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020, Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 21/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch chi tiết đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030,...

Đồng thời, thực tế đang diễn ra ở nước ta cũng đặt ra những vấn đề liên quan tới quan hệ giữa nội dung quy hoạch và hình thức văn bản quy hoạch:

- Nhiều ý kiến cho rằng quy hoạch ở ta vừa thừa lại vừa thiếu, điển hình như: "... quy hoạch vừa thừa lại vừa thiếu. Số lượng các loại quy hoạch do các Bộ, ngành và địa phương lập hàng năm là rất lớn. Một số quy hoạch có tên và nội dung hao hao giống nhau. Nhiều quy hoạch đã được phê duyệt song ít được sử dụng, thậm chí không được sử dụng. Nhìn chung các ngành, lĩnh vực phát triển còn "thiếu quy hoạch", có nghĩa là vấn đề nghiên cứu quy hoạch còn chưa đến nơi đến chốn dẫn đến tình trạng phát triển thiếu đồng bộ, thiếu quy hoạch, quy hoạch bị phá vỡ..." [8, tr.12]. Thực chất của hiện tượng đối nghịch này chính là ở mối quan hệ giữa nội dung quy hoạch và hình thức văn bản quy hoạch. Số lượng văn bản quy hoạch nặng về hình thức và thiếu nội dung. Hình thức văn bản quy hoạch thừa so với nội dung và nội dung quy hoạch thiếu so với hình thức văn bản quy hoạch;
- Có những phản ánh về sự tản mạn và thiếu phối hợp giữa các văn bản quy hoạch đang làm giảm chất lượng của các quy hoạch. Nguyên nhân có thể là do chưa chú trọng hình thức văn bản chung, tổng hợp. Tuy nhiên đó mới chỉ là một mặt của vấn đề. Mặt khác quan trọng hơn là thiếu sự thống nhất trong cách tiếp cận chung, phương pháp chung, khung khổ chung trong xây dựng các văn bản quy hoạch khác nhau¹ [2, tr.21-24]. Điều này làm cho các nội dung của các văn bản trở nên khác nhau đến mức không thể phối hợp được. Có thể khẳng định rằng: sự thống nhất về cách tiếp cận, phương pháp, khung phân tích sẽ dẫn tới sự thống nhất về nội dung và đảm bảo cho sự phối hợp giữa các văn bản quy hoạch;
- Hiện tượng cục bộ trong các văn bản quy hoạch cũng từng được phản ánh nhiều [6, tr.8-10]. Cục bộ tồn tại trên thực tế, nhưng không hẳn do có nhiều các văn bản riêng độc lập. Cần khẳng định, cục bộ trong quy

¹ Đúng như đánh giá: "Khái niệm quy hoạch không rõ ràng đã dẫn tới nhận thức và quan niệm về quy hoạch phát triển còn nhiều điểm chưa thống nhất giữa các cơ quan quản lý và tư vấn quy hoạch, giữa Trung ương và địa phương, vai trò quy hoạch là gì, làm thế nào để xác định nhu cầu xây dựng quy hoạch vì thế nhiều quy hoạch được xây dựng trên nhu cầu đề xuất của địa phương mà không có những đánh giá về sự cần thiết. Do không có một khái niệm quy hoạch thống nhất vì vậy không có cách hiểu thống nhất để làm quy hoạch, không có tiêu chí đánh giá chất lượng quy hoạch"; "Các quy định hiện hành chưa tạo tiền đề cho các mối liên kết giữa các quy hoạch. Các quy định về quy hoạch trong văn bản pháp quy còn thiếu nội dung quy định về vai trò, vị trí, mối tương quan của các quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu ở đồng cấp nên về mặt kỹ thuật chưa đảm bảo tính thống nhất của các tiêu chí quy hoạch và nội dung quy hoạch giữa các ngành, mặt khác chưa khuyến khích sự hợp tác giữa những đội quy hoạch tham gia xây dựng các quy hoạch khác nhau trên cùng địa bàn"; "Các văn bản quy định về quy trình quy hoạch không đồng bộ. Các quy định về quy hoạch được ghi trong các văn bản quy phạm khác nhau của rất nhiều ngành, khi xây dựng các văn bản này đã không tính đến các quan hệ giữa các quy hoạch, trật tự quy hoạch cái gì làm trước, cái gì căn cứ vào cái gì. Chính vì vậy, khi các quy định cùng cấp xây dựng vào các thời điểm khác nhau thì tính tương đồng giữa các chỉ tiêu quy hoạch của chúng kém. Thêm nữa, do quy định về quy hoạch của một số ngành thiếu định mức kỹ thuật nên nội dung của văn bản quy hoạch cũng thiếu tính đồng nhất (đặc biệt là các căn cứ mang tính định lượng)".

hoạch chỉ phát huy tác dụng khi chính các nội dung quy hoạch đã mang tính chất cục bộ...

2. Quan hệ giữa nội dung và hình thức văn bản quy hoạch khoa học và công nghệ trên thế giới

Trên thế giới, nội dung quy hoạch KH&CN có thể tồn tại ở những hình thức văn bản khác nhau. Có thể nêu lên các dạng quan hệ giữa nội dung quy hoạch KH&CN và hình thức tồn tại của nội dung đó như:

- Nội dung quy hoạch KH&CN được trình bày trong văn bản quy hoạch; ví dụ như Đề cương quy hoạch phát triển KH&CN trung hạn và dài hạn Quốc gia 2006 - 2020 (Chính phủ nước CHND Trung Hoa công bố ngày 09/02/2006);
- Nội dung quy hoạch KH&CN được trình bày trong các chương trình của Chính phủ. Ví dụ: phát triển các trung tâm nghiên cứu Quốc gia đóng vai trò là công cụ quan trọng để cải thiện sự hợp tác liên vùng được nêu trong Chương trình các Trung tâm nghiên cứu Quốc gia của Chính phủ Cộng hòa Séc (năm 2001); Phát triển các cụm công nghệ (*Technological Clusters*) được nêu trong Chương trình “Promethee” của Chính phủ Bỉ (năm 2000); Quốc hội Hungary có Chương trình phát triển đuổi kịp đặc biệt dành cho những vùng lạc hậu (năm 1999) với nhiều nội dung về quy hoạch KH&CN; Australia có Chương trình Hỗ trợ Năng lực Australia với các nội dung phát triển hạ tầng hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN;...
- Nội dung quy hoạch KH&CN được trình bày trong văn bản chiến lược KH&CN. Ví dụ trong Chiến lược KH&CN của Nhật Bản ngày 19/8/2011 (Chiến lược lần thứ 4 về KH&CN) có nói về phát triển cơ sở nghiên cứu đạt trình độ quốc tế; thành lập cơ sở nghiên cứu phát triển, có quy mô lớn, tiên tiến nhất và trở thành cứ điểm có vai trò hạt nhân trong hoạt động nghiên cứu trên thế giới; xây dựng trên 100 cứ điểm đào tạo nghiên cứu có thể lọt vào top 50 của thế giới với các đề tài có tính thực tiễn cao thuộc các lĩnh vực nghiên cứu; xây dựng hệ thống chuyên gia công nghệ vùng;...
- Trong Chiến lược Quốc gia về KH&CN Thái Lan (2004 - 2013) có một nội dung đáng kể về phát triển hạ tầng cho KH&CN; trong đó đề cập đến định hướng và biện pháp thực hiện về phát triển các trung tâm xuất sắc (COE), phát triển các công viên khoa học, phát triển các dịch vụ kỹ thuật;...
- Trong Chiến lược phát triển công nghệ sinh học Quốc gia của Nam Phi có đề cập nội dung về phát triển các trung tâm đổi mới vùng...

- Trong Chiến lược công nghệ sinh học Quốc gia đến năm 2020 (công bố tháng 5/2005) cũng nêu rõ các nội dung về phát triển hệ thống hạ tầng cho công nghệ sinh học phân bố ở các vùng của đất nước...

Từ kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về quan hệ giữa nội dung quy hoạch KH&CN và hình thức tồn tại của nội dung đó có thể rút ra một số điều sau:

- Nội dung quy hoạch KH&CN có thể tồn tại trong những hình thức văn bản khác nhau như: quy hoạch, chiến lược, chương trình,...
- Thực chất của tính chất đa dạng, phong phú của mối quan hệ giữa nội dung quy hoạch KH&CN và hình thức của nội dung đó là do tính đa dạng, phức tạp của mối quan hệ giữa nội dung quy hoạch KH&CN với nội dung chiến lược KH&CN, kế hoạch KH&CN, chính sách KH&CN. Nỗ lực gắn kết các nội dung quy hoạch KH&CN với nội dung chiến lược KH&CN, kế hoạch KH&CN, chính sách KH&CN đã tạo nên các hình thức văn bản khác nhau.
- Mối quan hệ khác nhau giữa nội dung quy hoạch KH&CN cũng phụ thuộc vào đặc thù về hệ thống văn bản của các nước, truyền thống soạn thảo văn bản của các nước,...

3. Hình thức văn bản quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ở nước ta

Quy hoạch phát triển KH&CN Quốc gia ở nước ta là định hướng phát triển và tổ chức không gian các hoạt động KH&CN cho thời kỳ dài trên phạm vi nhất định. Cần xác định rõ hình thức văn bản của quy hoạch này.

3.1 Nội dung quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ có thể được trình bày trong nhiều hình thức văn bản

a) Nội dung quy hoạch phát triển KH&CN có thể kết hợp với các nội dung khác trong các hình thức văn bản Chiến lược KH&CN, Quy hoạch phát triển KH&CN, Kế hoạch KH&CN

Có những kết hợp khá linh hoạt, phong phú giữa *nội dung* và *hình thức* liên quan tới quy hoạch KH&CN Quốc gia.

Về mặt nội dung quy hoạch, có sự phân biệt giữa: (i) Nội dung của chiến lược phát triển KH&CN; (ii) Nội dung của quy hoạch phát triển KH&CN; (iii) Nội dung của kế hoạch phát triển KH&CN; (iv) Nội dung của quy hoạch chi tiết KH&CN. Các nội dung này có thể tồn tại trong những hình thức văn bản khác nhau (Bảng 1).

Bảng 1: Các hình thức văn bản có nội dung quy hoạch phát triển KH&CN

Hình thức Nội dung	Văn bản Chiến lược KH&CN	Văn bản Quy hoạch phát triển KH&CN	Văn bản Kế hoạch KH&CN	Văn bản Chính sách KH&CN	Văn bản Quy hoạch chi tiết KH&CN
(i)	X	X			
(ii)	X	X	X		
(iii)	X	X	X	X	
(iv)					X

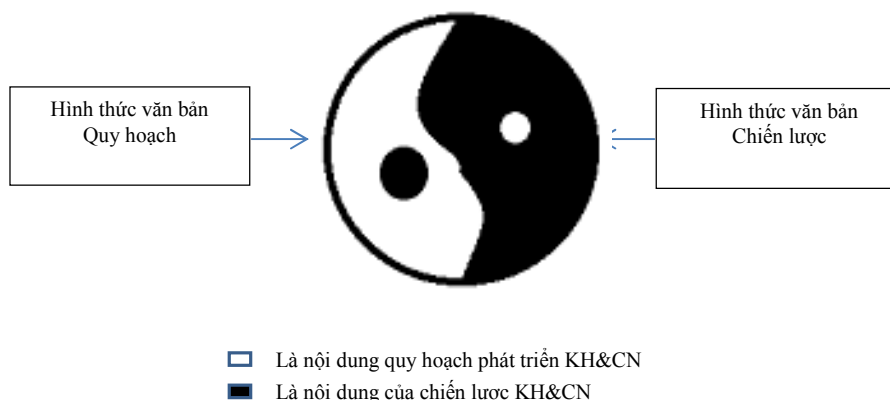
Theo bảng trên, nội dung của quy hoạch phát triển KH&CN, có thể tồn tại trong các hình thức văn bản sau:

- (1) Văn bản chiến lược phát triển KH&CN: nội dung quy hoạch phát triển KH&CN cùng kết hợp với nội dung về chiến lược phát triển KH&CN, kế hoạch phát triển KH&CN và chính sách KH&CN trong cùng một văn bản; trong đó nội dung chiến lược phát triển KH&CN là chính.
- (2) Văn bản quy hoạch phát triển KH&CN: hình thức này có thể bao gồm 2 dạng:
 - Dạng thứ nhất là văn bản quy hoạch phát triển KH&CN chỉ có nội dung quy hoạch phát triển KH&CN;
 - Dạng thứ hai, văn bản quy hoạch phát triển KH&CN có nội dung quy hoạch phát triển KH&CN là chính và kết hợp với các nội dung về chiến lược phát triển KH&CN, kế hoạch phát triển KH&CN và chính sách KH&CN trong cùng một văn bản.
- (3) Văn bản kế hoạch phát triển KH&CN: nội dung quy hoạch phát triển KH&CN cùng kết hợp với nội dung về kế hoạch phát triển KH&CN và chính sách KH&CN trong cùng một văn bản; trong đó nội dung kế hoạch phát triển KH&CN là chính.

Qua đây cần nhấn mạnh một số điểm sau:

- Giữa nội dung và hình thức văn bản có liên quan tới quy hoạch phát triển KH&CN có những mối liên hệ khá phong phú, đa dạng. Mặt khác, mặc dù có những hình thức văn bản kết hợp trong đó cả quy hoạch phát triển KH&CN và chiến lược phát triển KH&CN, kế hoạch phát triển KH&CN,... nhưng có sự khác biệt và cần phân biệt rõ ràng về nội dung quy hoạch phát triển KH&CN với các nội dung khác;

- Cùng tồn tại trong một văn bản giữa nội dung quy hoạch phát triển KH&CN với các nội dung khác thể hiện quan hệ gắn kết, tuy nhiên vẫn cần phân biệt nội dung nào là chính trong từng văn bản. Có thể lấy mô hình âm - dương để minh họa;



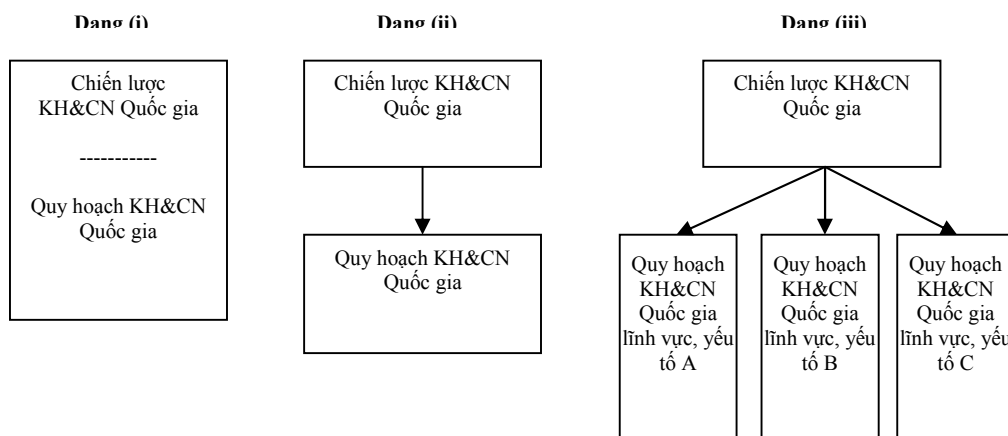
Hình 1: Quan hệ giữa các nội dung và hình thức văn bản

- Mỗi hình thức văn bản có những điểm mạnh riêng. Đó là những lựa chọn nhằm khai thác và tạo điều kiện cho sự gắn kết giữa nội dung quy hoạch phát triển với các nội dung khác có liên quan; hoặc lựa chọn nhằm tăng tính độc lập của các nội dung quy hoạch phát triển KH&CN;
- Ở đây cũng có những giới hạn rõ rệt như nội dung của quy hoạch phát triển KH&CN không thể có trong các văn bản về chính sách KH&CN và văn bản quy hoạch chi tiết các đề án KH&CN.

b) Các dạng hình thức văn bản quy hoạch chung - riêng, lồng ghép - độc lập

Theo hình thức văn bản quy hoạch chung - riêng, lồng ghép - độc lập, có các dạng cơ bản sau:

- (i) Lồng ghép luôn ở trong văn bản Chiến lược phát triển KH&CN;
- (ii) Độc lập với văn bản Chiến lược phát triển KH&CN và chung trong một bản Quy hoạch KH&CN Quốc gia tổng thể;
- (iii) Các văn bản Quy hoạch KH&CN Quốc gia riêng rẽ theo các lĩnh vực, yếu tố hoạt động KH&CN; hoặc theo nhóm một số lĩnh vực, yếu tố hoạt động KH&CN.



Chú thích: Tác động đến Quy hoạch KH&CN Quốc gia lĩnh vực cụ thể, ngoài Chiến lược KH&CN Quốc gia, có thể có cả Chiến lược KH&CN của các lĩnh vực đó.

Hình 2: Các dạng hình thức văn bản quy hoạch chung - riêng, lồng ghép - độc lập

3.2. Cần chú ý đến hình thức văn bản quy hoạch phát triển khoa học và công nghệ riêng, độc lập

Những phân tích trên cho thấy khả năng áp dụng các hình thức văn bản khác nhau trong quy hoạch KH&CN ở Việt Nam. Đồng thời, còn có thêm những lý do khẳng định sự cần thiết và có thể nhấn mạnh đến các hình thức văn bản quy hoạch phát triển KH&CN riêng, độc lập.

Trước hết, phạm vi điều chỉnh của quy hoạch phát triển KH&CN Quốc gia bao gồm cả hoạt động R&D, ứng dụng KH&CN và dịch vụ KH&CN (cụ thể là dịch vụ KH&CN bao gồm: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng; Sở hữu trí tuệ; Thông tin, thống kê KH&CN). Trong phạm vi và đối tượng của Quy hoạch phát triển KH&CN Quốc gia có sự khác nhau trên các mặt: nội dung hoạt động; mức độ lan tỏa (khía cạnh tổ chức không gian); độ đan xen, lồng ghép với các ngành (gắn kết chặt chẽ với các ngành kinh tế - kỹ thuật); mức độ thị trường hóa;...

Một đặc điểm trong bối cảnh xây dựng quy hoạch phát triển KH&CN là đã có Chiến lược KH&CN đóng vai trò nền tảng chung định hướng phát triển KH&CN của đất nước. Chiến lược KH&CN thể hiện sự thống nhất về tổng thể. Quy hoạch là khâu triển khai Chiến lược, có thể bao gồm nhiều quá trình riêng lẻ. Với Chiến lược KH&CN thống nhất và Quy hoạch KH&CN Quốc gia riêng rẽ, chúng ta vẫn có thể đảm bảo có được sự độc lập trong tính thống nhất.

Trên thực tế ở nước ta đã có một số văn bản quy hoạch riêng trong lĩnh vực KH&CN như: Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 24/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình đến năm 2020, Quyết định số 1636/QĐ-TTg ngày 31/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch mạng lưới quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường Quốc gia đến năm 2020,...

Quy hoạch phát triển KH&CN Quốc gia đến năm 2020 ở nước ta có thể phân ra bao gồm các hình thức cụ thể theo lĩnh vực, vùng và nguồn lực như sau:

- Quy hoạch phát triển KH&CN của lĩnh vực Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; Quy hoạch phát triển KH&CN của lĩnh vực Sở hữu trí tuệ;
- Quy hoạch phát triển KH&CN vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, Quy hoạch phát triển KH&CN vùng kinh tế trọng điểm phía Nam,...
- Quy hoạch mạng lưới tổ chức R&D, Quy hoạch các khu công nghệ cao, Quy hoạch hệ thống thị trường KH&CN, Quy hoạch hệ thống thông tin KH&CN,...

Điều đáng chú ý là, khi áp dụng những hình thức văn bản khác nhau chứa đựng các nội dung quy hoạch phát triển KH&CN cần xây dựng cách tiếp cận chung, phương pháp chung, khung khổ chung thống nhất để đảm bảo sự phối hợp giữa các văn bản. Bộ KH&CN nên ban hành văn bản về những điều này để tạo sự thống nhất trong xây dựng các văn bản quy hoạch khác nhau có nội dung quy hoạch phát triển KH&CN và quản lý các văn bản đó²./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia. (2002) *Khoa học và Công nghệ thế giới: Kinh nghiệm và định hướng chiến lược*.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2012) *Báo cáo đánh giá tình hình về công tác quy hoạch và tổng kết thi hành pháp luật về quy hoạch*. Hà Nội, 3/2012.
3. Paul A. Samuelson. (1992) *Economics: An Introductory Analysis*. 14th edition. McGraw Hill.
4. Frantianni, M. (2006) *Sự hội nhập kinh tế vùng//Regional Economic Integration*. Xuất bản lần thứ nhất. Elsevier, Oxford, Vương quốc Anh.

² Điều này đã được một số Bộ tiến hành như Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 39/2011/TT-BNNPTNT ngày 24/5/2011 Hướng dẫn xây dựng quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết về di dân tái định cư và tổ chức phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm vùng tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện;...

5. Nguyễn Tiến Dũng. (2007) *Bài giảng Quy hoạch phát triển*. H.: ĐH Kinh tế Quốc dân.
6. Ngô Doãn Vịnh. (2011) *Bàn về đổi mới nhận thức và hành động đối với quy hoạch phát triển ở Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 10, tháng 5/2011.
7. Trần Hồng Quang. (2011) *Công tác quy hoạch phát triển vùng lãnh thổ: Thực trạng và một số đề xuất mới*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 11, tháng 6/2011.
8. Dương Trọng Hiền. (2011) *Thực trạng công tác quy hoạch hiện nay và một số giải pháp trong thời gian tới*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 15, tháng 8/2011.
9. Lâm Thùy Dương. (2011) *Quy hoạch phát triển đúng phải được thể hiện bằng hiệu quả*. Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 16, tháng 8/2011.